ENGLISH GRAMMAR 2
INTERMEDIATE LEVEL

Unit 8 – Present perfect 2 (I have done)

https://tienganhivy.com

Present perfect 2 (I have done)

CÔNG DỤNG VÀ CẤU TRÚC

A

Hãy nghiên cứu đoạn hội thoại sau:

Dave: Have you travelled a lot, Jane?
Jane: Yes, I**'ve been** to lots of places.
Dave: Really? **Have** you **ever been** to China?
Jane: Yes, I**'ve been** to China twice.
Dave: What about India?
Jane: No, I **haven't been** to India.

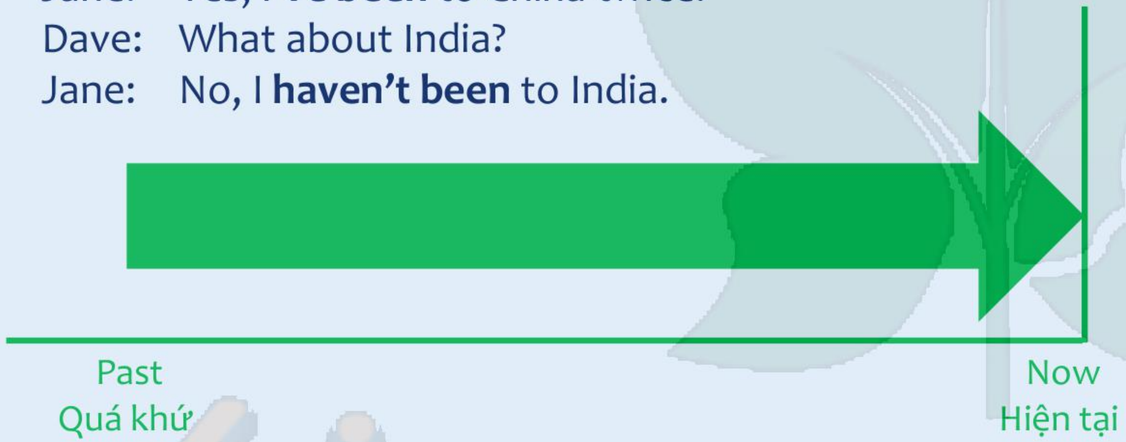

Khi nói về một khoảng thời gian kéo dài từ quá khứ đến hiện tại, chúng ta dùng thì hiện tại hoàn thành (have been / have travelled etc.). Dave và Jane đang nói về những nơi Jane đã tham quan trong cuộc đời cô ấy – một khoảng thời gian kéo dài đến hiện tại.

B

- Các từ, nhóm từ sau thường chỉ khoảng thời gian kéo dài từ quá khứ đến hiện tại: **recently, lately, in the last few days, so far, since I arrived, v.v…**
  - EX 1: **Have** you **heard** anything from Ben **recently**?
  - EX 2: I**'ve met** a lot of people **in the last few days**.
  - EX 3: Everything is going well. There **haven't been** any problems **so far**.
  - EX 4: The weather is bad here. It**'s** (= It **has**) **rained** every day **since I arrived**. (= from when I arrived until now)
  - EX 5: It's good to see you again. We **haven't seen** each other **for a long time**.
  - EX 6: Have you seen her lately?
- Tương tự, chúng ta cũng có thể dùng ***today, this evening, this year*** v.v… với thì hiện tại hoàn thành khi những khoảng thời gian này chưa kết thúc vào lúc nói.
  - EX 7: I**'ve drunk** four cups of coffee **today**.
  - EX 8: **Have** you **had** a holiday **this year**?
  - EX 9: I **haven't seen** Tom **this morning**. Have you?

Present perfect 2 (I have done)

CÔNG DỤNG VÀ CẤU TRÚC

C

- Chúng ta cũng dùng thì hiện tại hoàn thành để nói đây là **lần thứ nhất** việc gì đó xảy ra như trong các ví dụ sau:
  - EX 10: Don is having a driving lesson. It's his first lesson. We can say:
    - It's the **first** time he **has driven** a car. (not drives)
    - He **hasn't driven** a car before. *or*
    - He **has never driven** a car before.
- Tương tự như vậy, chúng ta cũng nói:
  - EX 11: Sarah has lost her passport again. This is **the second time this has happened**. (not happens)
  - EX 12: Andy is phoning his girlfriend again. It's **the third time he's phoned** her this evening.

Ví dụ thêm:

- **Have** you **ever eaten** caviar?
- We**'ve never had** a car.
- I don't know what the film is about. I **haven't seen** it.
- Susan really loves that book. She**'s read** it three times. (She's = She has)
- It's a really boring movie. It's the most boring movie I**'ve ever seen**.

Present perfect 2 (I have done)

THỰC HÀNH NHANH

How many cups of milk tea _____ this week?

A. did you drink

B. have you drunk

C. do you drink

D. drank you

Present perfect 2 (I have done)

TÓM TẮT

1. Thì hiện tại hoàn thành nói về một khoảng thời gian kéo dài từ quá khứ đến hiện tại.
2. Các từ / nhóm từ chỉ khoảng thời gian từ quá khứ đến hiện tại thường được dùng với thì hiện tại hoàn thành là ***recently, lately, in the last few days, so far, since I arrived, v.v... today, this evening, this week, this month, this year***
3. Khi nói đây là lần thứ …. Một việc xảy ra, chúng ta có thể dùng thì hiện tại hoàn thành.

Have a nice time

Nhớ subscribe, like và share nhé

https://tienganhivy.com